

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2023

Năm 2023, Khối nông nghiệp và thủy sản gồm: Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản; Chi cục Trồng trọt và BVTV; Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản; Trung tâm Khuyến nông; Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi và Thủy sản; Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp tỉnh. Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Bộ Nông nghiệp và PTNT, các cơ quan trực thuộc Bộ; Ủy ban nhân dân tỉnh, đặc biệt là sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của các đồng chí lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT, sự phối hợp của các Sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố trong công tác phát triển sản xuất nông nghiệp, thủy sản, phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, triển khai các mô hình, dự án khuyến nông, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật...

Các đơn vị trong Khối tích cực tham mưu và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản, đóng góp chung vào kết quả thực hiện hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu nhiệm vụ của toàn ngành năm 2023, trong đó có nhiều chỉ tiêu vượt so với kế hoạch đề ra, cụ thể: (1) Giá trị sản xuất nông nghiệp ước đạt 14.612,1 tỷ đồng, bằng 100,6% KH (Trồng trọt 5.864,4 tỷ đồng, bằng 100,2% KH; Chăn nuôi 7.161,9 tỷ đồng, bằng 101% KH, dịch vụ trong nông nghiệp 1.585,7 tỷ đồng, bằng 100% KH); Giá trị sản xuất thủy sản ước đạt 589,04 tỷ đồng, bằng 100,9% KH; (2) Giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất trồng trọt (giá hiện hành) ước đạt 128,7 triệu đồng/ha, bằng 103% KH; (3) Tổng sản lượng lương thực có hạt cả năm ước đạt 451,5 nghìn tấn, bằng 103,5% KH; sản lượng rau các loại ước đạt 294,8 nghìn tấn, bằng 106,4% KH; diện tích trồng mới và trồng lại chè 425,5 ha, đạt 102,5% KH; sản lượng chè búp tươi ước đạt 267,5 nghìn tấn, bằng 102,1% KH; (4) Tổng sản lượng thịt hơi các loại 221,8 nghìn tấn, bằng 100,8% KH; (5) Khai thác 6.070 ha mặt nước để nuôi trồng thủy sản với sản lượng thu hoạch ước đạt 18,5 nghìn tấn thủy sản các loại, bằng 102,7% KH.

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Công tác tham mưu, lãnh đạo chỉ đạo

Năm 2023, các đơn vị trong Khối đã thực hiện tốt công tác tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân tỉnh về các lĩnh vực được phân công phụ trách: Chủ động, kịp thời xây dựng ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai kế hoạch, phương án, đề án; phối hợp với các huyện, thành phố về tổ chức sản

xuất nông nghiệp, hướng dẫn cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản; quản lý dịch bệnh trên các đối tượng nuôi trồng; công tác thanh, kiểm tra chuyên ngành về an toàn thực phẩm, vật tư nông nghiệp... góp phần hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch giao.

2. Công tác thông tin tuyên truyền, tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật (Chi tiết tại phụ biểu 02)

** Công tác thông tin tuyên truyền*

- Liên thông, kết nối, chia sẻ trang thông tin điện tử của Sở và các đơn vị trực thuộc: Đã đăng tải được 432 tin bài¹ và ảnh minh họa; đăng tải 08 Luật, 07 Thông tư, Nghị định, 10 văn bản chỉ đạo và 08 video clip trên trang thông tin điện tử Khuyến nông Thái Nguyên với 791.054 lượt truy cập; xuất bản 04 Bản tin Khuyến nông Thái Nguyên với 5.520 cuốn.

- Cấp phát 33.400 tờ rơi, 900 quyển sổ tay tuyên truyền về hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt, phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi, thủy sản; treo 32 băng rôn trong Tháng hành động vì an toàn thực phẩm.

- Phối hợp với các đơn vị truyền thông thực hiện 57 phóng sự², tin bài tuyên truyền về: Hoạt động phòng chống dịch bệnh động vật; hoạt động giết mổ động vật; tuyên truyền về chuỗi sản phẩm thịt lợn, gà an toàn; quản lý dịch bệnh trên cây trồng, chỉ đạo sản xuất đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh; tuyên truyền phổ biến về các tiến bộ kỹ thuật mới; công tác an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản.

** Công tác tập huấn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật:* Triển khai các mô hình, lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tạo ra sản phẩm nông nghiệp an toàn tăng giá trị kinh tế cho các tổ chức, cá nhân: 300 cuộc tập huấn, hội nghị, hội thảo cho 22.035 lượt người; thực hiện 26 mô hình, chương trình, dự án.

Ngoài ra, các huyện, thành phố đã chủ động phối hợp với các đơn vị tổ chức tập huấn về công tác phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi; an toàn thực phẩm trong sản xuất sản phẩm nông nghiệp; hoàn thiện các tiêu chí về ATTP trong xây dựng nông thôn mới...

3. Công tác Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản

3.1 Về công tác quản lý sản xuất chăn nuôi

Giá trị sản xuất chăn nuôi năm 2023 ước đạt 7.161,9 tỷ đồng đạt 101% KH. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng tính đến tháng 10/2023 là 186 nghìn tấn, dự ước cả năm đạt 221.760 tấn, bằng 100,8% KH (trong đó, sản lượng thịt lợn hơi ước đạt 106,028 tấn; sản lượng thịt gia cầm ước đạt 106.185 tấn; các loại thịt khác 9.547 tấn); sản lượng trứng gia cầm 465 triệu quả đạt 100% KH. Tổng đàn

¹ Trung tâm Khuyến nông: 160 tin bài và 196 ảnh, 08 video; Chi cục Trồng trọt và BVTV: 18 tin bài; Chi cục QLCL NLS&TS: 33 tin bài, Chi cục CNTY&TS 25 tin bài.

² Chi cục QLCL NLS&TS: 17; Chi cục Trồng trọt và BVTV: 16; Trung tâm Khuyến nông: 20; Chi cục CNTY&TS: 04.

trâu, bò ước 95.000 con đạt 100% KH, đàn lợn 600.000 con đạt 100% KH, đàn gia cầm 16,115 triệu con đạt 102% KH. Chăn nuôi quy mô trang trại chiếm 43% tổng đàn gia súc, gia cầm; chất lượng đàn gia súc, gia cầm đã được nâng cao, tỷ lệ đàn lợn ngoại, lai năng suất, chất lượng đạt 76% tổng đàn; đàn bò lai Zebu và các giống bò chất lượng cao đạt 68% trở lên; đàn gà lông màu có chất lượng đạt 87% tổng đàn.

Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Đến nay các địa phương đang từng bước theo lộ trình thực hiện việc cấm chăn nuôi theo Quyết định số 990/QĐ-UBND ngày 01/4/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về Danh sách các khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 về khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi, gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Thực hiện cấm chăn nuôi tại toàn bộ 05 phường của thành phố Thái Nguyên và 27 tổ dân phố của 04 huyện, thành phố. Kết quả đến nay, số hộ chăn nuôi cam kết ngừng hoạt động chăn nuôi là 583 hộ³. Các địa phương đang từng bước thực hiện chính sách hỗ trợ theo Hướng dẫn số 2457/HDLN-TC-NN ngày 08/7/2022 của liên ngành Tài chính, Nông nghiệp về trình tự, thủ tục, hồ sơ hỗ trợ cho chủ cơ sở chăn nuôi khi ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Thực hiện công tác quản lý chất lượng con giống, điều kiện sản xuất con giống tại 168 cơ sở (118 cơ sở sản xuất giống gia cầm, 50 cơ sở sản xuất giống lợn); chăn nuôi quy mô nông hộ chiếm 57% tổng đàn gia súc, gia cầm, đã áp dụng các giải pháp ATSH như tiêm phòng vắc xin, sử dụng chế phẩm sinh học, máng ăn tự động, công nghệ xử lý chất thải (hầm biogas, đệm lót sinh học...) góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường, tăng khả năng kháng bệnh, nâng cao năng suất cho đàn vật nuôi.

Thực hiện xây dựng cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh đối với các cơ sở chăn nuôi tập trung và quản lý chăn nuôi, dịch bệnh, tiêm phòng vắc xin đạt các chỉ tiêu để hướng tới xây dựng vùng xã, huyện an toàn dịch bệnh. Hiện nay toàn tỉnh có 27 cơ sở chăn nuôi được chứng nhận an toàn dịch bệnh còn hiệu lực. Triển khai ứng dụng công nghệ sinh học để xử lý môi trường trong chăn nuôi, năm 2023 đã hỗ trợ 30 mô hình đệm lót sinh học xử lý chất thải chăn nuôi trong chăn nuôi lợn, gà.

³ TP. Sông công 284 hộ; TP. Phổ Yên 15 hộ; TP. Thái Nguyên 247 hộ; huyện Định Hóa 21 hộ; huyện Đại Từ 16 hộ, với tổng đàn vật nuôi 664 con lợn, 7.572 con gia cầm; 37 con trâu, bò.

Phát triển sản xuất chăn nuôi lợn, gà theo chuỗi, gắn với giết mổ và tiêu thụ sản phẩm. Toàn tỉnh có trên 76 hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất chăn nuôi, 09 doanh nghiệp sản xuất thức ăn chăn nuôi, 1.197 trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; 13 công ty liên doanh chăn nuôi gia công chuỗi thịt lợn, gà toàn tỉnh có trên 20 chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm thịt lợn, gà an toàn tại các chợ, siêu thị, nhà hàng, bếp ăn tập thể trên địa bàn trong và ngoài tỉnh. Năm 2023, hỗ trợ xây dựng 02 chuỗi sản phẩm thịt lợn, gà. Đến nay, cơ bản các chuỗi đã hoàn thiện quy trình sản xuất, chế biến, kinh doanh liên kết theo chuỗi sản phẩm an toàn và thiết lập được hệ thống tiêu thụ sản phẩm thịt lợn, gà an toàn tại các chợ, siêu thị, nhà hàng, bếp ăn tập thể trên địa bàn.

Về thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi: Giá sản phẩm chăn nuôi ổn định ở mức thấp cụ thể: thịt lợn hơi khoảng 50.000-52.000 đồng/kg, giá lợn giống khoảng 1.300.000 -1.500.000 đồng/con; gà thịt lông màu nuôi bán chăn thả 80.000-82.000đ/kg; gà thịt lông màu nuôi công nghiệp 52.000-54.000 đồng/kg; gà thịt công nghiệp (gà trắng) 32.000-33.000 đồng/kg, trứng gia cầm từ 2.200-2.500 đồng/quả.

3.2. Về công tác phòng, chống dịch bệnh

Năm 2023 có xảy ra các ổ dịch với bệnh Lở mồm long móng gia súc, Viêm da nổi cục trên trâu, bò và Dịch tả lợn Châu Phi. Các ổ dịch bệnh được khống chế kịp thời không để lây lan ra diện rộng⁴.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh, một số địa phương có xảy ra tình trạng lợn ốm, chết, Chi cục đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp huyện thuộc huyện Đồng Hỷ, thành phố Sông Công tiến hành kiểm tra, xác minh, lấy mẫu gửi Trung tâm Chẩn đoán Thú y Trung ương xét nghiệm bệnh Dịch tả lợn Châu Phi và bệnh Tai xanh. Kết quả đều âm tính với bệnh DTLCP và Tai xanh chủng Trung Quốc.

Bệnh dại: Theo báo cáo của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, đến tháng 11/2023 đã có 01 bệnh nhân bị chó cắn không đi tiêm phòng vắc xin dẫn đến tử vong do mắc bệnh Dại (tại Phường Hồng Tiến- TP Phổ Yên).

Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản đã tham mưu cho UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn công tác phòng, chống dịch bệnh; tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện tại các địa phương. Tại các ổ dịch, vùng nguy cơ đã chỉ đạo triển khai tích cực, đồng bộ các biện pháp chống dịch do đó các ổ

⁴ - Dịch tả lợn Châu Phi xảy ra 02 đợt dịch: Từ ngày 01/01/2023 đến 03/03/2023 tại TT Quân Chu, huyện Đại Từ kéo dài từ 11/12/2022 đến 03/3/2023, với tổng số lợn mắc bệnh tiêu hủy là 1.445 con và đợt dịch từ ngày 14/11/2023 đến nay tại phường Lương Sơn, TP Sông Công với tổng số lợn mắc bệnh, chết phải xử lý tiêu hủy là 46 con tổng trọng lượng 2.969 kg.

- Bệnh Lở mồm long móng gia súc: 01 ổ dịch xảy ra từ ngày 17/4/2023 đến 11/5/2023 tại TT Hoá Thượng, huyện Đồng Hỷ, với tổng số 06 con trâu mắc bệnh.

- Bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò: xảy ra 03 ổ dịch tại 13 hộ, 10 xóm thuộc 7 xã, phường với tổng số trâu, bò mắc bệnh 20 con.

dịch cơ bản được khống chế ngay không có hiện tượng lây lan ra diện rộng hay tái bùng phát.

Tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm hoàn thành kế hoạch đề ra góp phần đảm bảo an toàn dịch bệnh, khống chế không để một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm xảy ra trên diện rộng.

Công tác chẩn đoán - xét nghiệm và điều trị bệnh động vật: Đã thực hiện lấy mẫu giám sát chủ động, bị động đối với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm để chẩn đoán dịch bệnh, xác định hiệu giá kháng thể của vắc xin tiêm phòng: Lấy 8778 mẫu giám sát chủ động để phát hiện vi rút Dịch tả lợn Châu Phi; vi rút gây bệnh Cúm gia cầm; kháng thể lở mồm long móng; giám sát dịch bệnh động vật thủy sản⁵. Lấy 20 mẫu giám sát bị động xét nghiệm vi rút gây bệnh Viêm da nổi cục trên Trâu, bò; bệnh Dịch tả lợn Châu Phi và Tai xanh ở lợn; bệnh dại ở chó⁶

Trạm chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật đã xây dựng và thử nghiệm phác đồ điều trị bệnh nấm trên gia cầm, bệnh do vi khuẩn đường máu Mycoplasma suis cho lợn và bước đầu có đã có hiệu quả. Trong năm 2023 đã cấp 522 giấy chứng nhận tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

3.3. Công tác kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y động vật và sản phẩm động vật

Năm 2023 đã thực hiện kiểm tra và cấp khoảng 25.000 giấy chứng nhận kiểm dịch vận chuyển động vật và sản phẩm động vật ra ngoài tỉnh với tổng số động vật, thủy sản được kiểm dịch vận chuyển trên 15,8 triệu con gia súc, gia cầm, 193.560 con cá giống và các sản phẩm động vật gồm 10 triệu quả trứng gà, 925.000 kg phủ tạng,....

Hiện tại trên địa bàn toàn tỉnh có 08 cơ sở giết mổ đang thực hiện việc KSGM (TP Thái Nguyên 04 cơ sở, Phổ Yên 01 cơ sở; Đại Từ 01 cơ sở, Phú Bình 02 cơ sở). Kết quả công tác KSGM-KTVSTY năm 2023 tại các cơ sở giết

⁵ Lấy 8.501 mẫu huyết thanh (1.700 mẫu gộp) để phát hiện vi rút Dịch tả lợn Châu Phi. Kết quả đều âm tính (-) với bệnh Dịch tả lợn Châu Phi; lấy 60 mẫu swab phát hiện vi rút gây bệnh Cúm gia cầm tại các chợ trên địa bàn 03 huyện, thành phố (TP Thái Nguyên, huyện Phú Bình, huyện Phú Lương). Kết quả 60/60 mẫu Âm tính (-) với vi rút gây bệnh Cúm gia cầm; Lấy mẫu 60 mẫu định lượng kháng thể lở mồm long móng sau tiêm phòng trên đàn lợn thuộc 03 huyện, thành phố (TP Sông Công, huyện Phú Bình, huyện Phú Lương). Kết quả 56/60 mẫu dương tính(+) kháng thể Lở mồm long móng type O; Lấy 112 mẫu gộp (96 mẫu swab gộp, 16 mẫu phân). Kết quả 19/112 mẫu dương tính với vi rút Cúm gia cầm type A (trong đó 02/19 mẫu dương tính Cúm gia cầm H5N1); Lấy 45 mẫu, xét nghiệm 45 chỉ tiêu về vi rút và vi khuẩn trên động vật thủy sản, kết quả xét nghiệm 45/45 mẫu âm tính.

⁶ Lấy 08 mẫu swab hầu họng xét nghiệm vi rút gây bệnh Viêm da nổi cục. Kết quả 08 mẫu dương tính (+) vi rút gây bệnh Viêm da nổi cục; Lấy 11 mẫu gộp (trong đó 07 mẫu xét nghiệm vi rút gây bệnh Dịch tả lợn Châu Phi và Tai xanh ở lợn, 04 mẫu xét nghiệm vi rút gây bệnh Dịch tả lợn Châu Phi). Kết quả 03 mẫu (+) dương tính với vi rút gây bệnh Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn 02 hộ thuộc phường Lương Sơn - TP Sông Công; Lấy 01 mẫu đầu chó xét nghiệm vi rút gây bệnh Dại trên địa bàn TT Đu - huyện Phú Lương. Kết quả 01/01 mẫu (-) Âm tính với Vi rút gây bệnh Dại.

mỏ như sau: 273.000 con gia cầm, 16.000 con lợn; thu phí KSGM nộp ngân sách nhà nước 167 triệu đồng.

3.4. Về sản xuất thủy sản

Diện tích mặt nước đưa vào nuôi thủy sản ước đạt 6.070 ha đạt 100% KH. Sản lượng thủy sản ước đạt 18.478 tấn đạt 102,7% KH (nuôi trồng 18.143 tấn; khai thác 335 tấn), tăng 6,8% so với cùng kỳ. Đối tượng nuôi chủ yếu gồm các loài thủy sản truyền thống cá rô phi đơn tính, cá Trắm, cá chép, và một số loài có giá trị kinh tế cao như cá Lăng, cá Tầm. Nuôi thương phẩm đã từng bước chuyển dịch cơ cấu giống theo hướng tăng đối tượng có giá trị kinh tế cao và giảm dần các đối tượng truyền thống giá trị kinh tế thấp. Giá trị sản xuất ước đạt 589,07 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010) đạt 101,7% KH, tăng 6,95% so cùng kỳ. Sản xuất giống ước đạt 605/600 triệu con cá bột đạt 100,8% KH; 65 triệu/60 triệu con cá giống đạt 108,3% KH, đối tượng sản xuất chủ yếu gồm cá rô phi đơn tính, cá Chép, cá Trắm cỏ và các loài cá truyền thống khác...

Tổ chức khảo sát, lựa chọn 05 điểm thu mẫu quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh, phối hợp với Trung tâm quan trắc môi trường và bệnh thủy sản miền Bắc triển khai lấy mẫu 06 đợt tại 05 điểm đạt 100% KH. Kết quả quan trắc đã được thông báo theo từng đợt, đã kịp thời đưa ra những khuyến cáo, cảnh báo, hướng dẫn xử lý về môi trường nuôi, hướng dẫn phòng chống dịch bệnh để cơ quan quản lý và người nuôi trồng thủy sản triển khai xử lý, phòng tránh dịch bệnh bùng phát, duy trì điều kiện nuôi tốt, ổn định sản xuất, tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về thủy sản. Khảo sát, lựa chọn được 07 điểm thả cá để tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản, thả 82.580 con cá giống gồm các loài thủy sản quý hiếm, bản địa, có giá trị kinh tế cao góp phần tái tạo nguồn lợi thủy sản; ngăn chặn suy giảm nguồn lợi thủy sản; từng bước khôi phục nguồn lợi thủy sản, bảo vệ đa dạng sinh học; nâng cao thu nhập, ổn định đời sống cho người dân sống bằng nghề nuôi trồng, khai thác thủy sản.

4. Công tác trồng trọt và Bảo vệ thực vật

4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu:

Tốc độ tăng giá trị sản xuất trồng trọt năm 2023 ước đạt 1,0%. Giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha đất trồng trọt ước đạt 128,7 triệu đồng. Sản lượng lương thực có hạt toàn tỉnh ước đạt 451.834 tấn, đạt 103,54% KH, tăng 15.834 tấn. Trong đó:

- Cây lúa: Diện tích gieo trồng lúa cả năm đạt 67.586 ha, đạt 101,97% KH, bằng 99,01% so với cùng kỳ. Trong đó: Diện tích gieo trồng lúa năng suất chất lượng, đặc sản đạt 41.574 ha chiếm 61,55% diện tích gieo cấy lúa toàn tỉnh; năng suất lúa ước đạt 55,84 tạ/ha, đạt 101,78% KH; sản lượng lúa ước đạt 377.367 tấn, bằng 103,78% KH, bằng 98,46% so với cùng kỳ.

- Cây ngô: Diện tích gieo trồng cả năm đạt 15.108 ha, đạt 101,2% KH, bằng 99,1% so với cùng kỳ, năng suất ước 49,29 tạ/ha, đạt 101,6% KH, bằng

100,2% so với cùng kỳ; sản lượng ước đạt 74.467 tấn, đạt 102,9% KH, bằng 99,3% so với cùng kỳ.

- Cây rau: Diện tích gieo trồng cả năm của tỉnh đạt 15.274 ha, đạt 101,8% KH, bằng 100,5% so với cùng kỳ; năng suất rau ước 188,9 tạ/ha, đạt 103 % KH, bằng 101,4% so với cùng kỳ; sản lượng ước đạt 288.589 tấn, đạt 104,2% KH, bằng 101,8% so với cùng kỳ.

- Cây chè: Tổng diện tích chè hiện có 22.270 ha, trong đó diện tích chè cho sản phẩm 20.889 ha đang giai đoạn phát triển búp và thu hái. Sản lượng chè búp tươi tháng 11 ước đạt khoảng 11.000 tấn, nâng tổng sản lượng chè búp tươi đến nay 267.454 tấn, bằng 102 % KH cả năm. Diện tích trồng mới, trồng lại: Cây chè 425,5 ha, bằng 102,5% KH (Trồng mới được 59,1 ha, trồng lại được 366,4 ha).

- Cây ăn quả: Tổng diện tích cây ăn quả toàn tỉnh đạt 14.169 ha, trong đó: Na 970 ha, bưởi 2.162 ha, nhãn 1.690 ha. Thực hiện trồng mới được 505 ha (150 ha Nhãn, 205 ha Na và 150 ha Bưởi), theo hình thức hỗ trợ và người dân tự trồng.

- Diện tích một số cây trồng khác: Khoai lang 2.444 ha, sản lượng 17.025 tấn; cây lạc 2.437 ha, sản lượng 4.678 tấn; cây đậu tương 318 ha, sản lượng 499 tấn.

4.2. Công tác quản lý dịch bệnh cây trồng và Kiểm dịch thực vật nội địa

- Đã tiến hành trên 548/500 cuộc điều tra định kỳ, bổ sung mở rộng trước trong và sau cao điểm trên các cây trồng, đạt 109% KH. Các đối tượng sinh vật gây hại chính đều được phát hiện sớm, hướng dẫn các biện pháp phòng trừ kịp thời không để xảy ra tình trạng sâu bệnh phát sinh gây thiệt hại nặng ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng cây trồng. Tổng hợp 42 thông báo tuần định kỳ 7 ngày/lần; 11 văn bản và báo cáo vụ Đông Xuân, Vụ Mùa năm 2023.

- Thực hiện 01 đợt kiểm tra giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật với lô giống cây trồng mới nhập khẩu. Kết quả kiểm tra thủ tục kiểm dịch đối với các lô hàng giống cây trồng nhập nội theo kế hoạch và theo khai báo của chủ vật thể, số lượng đạt: 87 lô giống nhập nội trên các chủng loại giống cây trồng, khối lượng 61.136,2 kg. Điều tra và giám sát sinh vật gây hại trên giống cây trồng mới tại địa điểm gieo trồng với 37 kỳ điều tra (222 cuộc điều tra) đạt 88% KH; chưa thấy xuất hiện đối tượng KDTV của Việt Nam. Trong năm 2023 không có khai báo về sinh vật có ích nhập khẩu đưa vào địa bàn tỉnh. Thực hiện 02 cuộc/15 địa điểm là các kho, cơ sở sản xuất, gia công, chế biến và tiêu thụ hàng thực vật đạt 100% KH.

- Điều tra định kỳ 6 tháng/lần trên vật thể thuộc diện KDTV và giống cây trồng tại địa phương đạt 100% KH. Chưa phát hiện đối tượng KDTV thuộc nhóm II, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam. Trong năm 2023 không có lô hàng bị nhiễm dịch thuộc đối tượng kiểm dịch đã được xử lý tại cửa khẩu vào địa bàn tỉnh. Chưa phát hiện đối tượng KDTV thuộc nhóm II, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam.

4.3. Công tác quản lý thuốc BVTV, giống cây trồng, phân bón, an toàn thực phẩm

- Công tác quản lý thuốc BVTV, giống cây trồng được thực hiện thường xuyên, theo đúng quy định. Trong năm, đã thực hiện thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm khi phát hiện vi phạm.

- Xây dựng kế hoạch rà soát, thẩm định cây đầu dòng theo quy định nhà nước; quản lý chặt chẽ về giống cây trồng; đề xuất chủng loại giống cây trồng đưa vào dữ liệu Quốc gia; đồng thời đề xuất các mặt hàng vật tư như thuốc BVTV, phân bón dự trữ để chủ động phòng khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra.

4.4. Công tác đánh giá giám sát vùng trồng, cơ sở đóng gói:

Tổng số mã vùng trồng hiện có trên địa bàn tỉnh: 51 mã, trong đó 33 mã xuất khẩu (chè 25 mã; lúa 05 mã, diện tích 42,44 ha; Cây ăn quả 02 mã, diện tích 16,64 ha; cây khác măng lục trúc 01 mã, diện tích 10,7 ha); 18 mã nội tiêu (Chè 11 mã diện tích 47,5 ha; Lúa 05 mã diện tích 17,28 ha ; rau 01 mã diện tích 0,95 ha; Ôi 01 mã, diện tích 9,75 ha).

4.5. Công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng:

Toàn tỉnh ước thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây khác có giá trị kinh tế cao hơn đạt khoảng 1.097 ha/1.091 ha, bằng 100,5 % KH. Trong đó: Vụ Đông - Xuân diện tích chuyển đổi sang cây trồng khác 903 ha; vụ Mùa diện tích chuyển sang cây trồng khác 194 ha.

5. Công tác quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản, ATTP

5.1. Giám sát an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản:

Thực hiện lấy 116/110 mẫu⁷, đạt 105% KH. Đến nay đã có kết quả kiểm nghiệm 100/110 mẫu, trong đó 99 mẫu có kết quả đạt yêu cầu; 01/100 mẫu không đạt (mẫu cá Trắm cỏ) do có phát hiện chất Malachite Green là hoá chất cấm sử dụng theo Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 06/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Chi cục đã có thông báo kết quả thực hiện việc truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không đảm bảo an toàn theo đúng quy định.

- Giám sát 12 cơ sở đã được cấp xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

5.2. Thẩm định xếp loại, xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn:

Tính đến hết tháng 11/2023, đã thẩm định xếp loại 74 cơ sở trong đó, xếp loại A: 21 cơ sở, loại B: 52 cơ sở, loại C: 01 cơ sở. Cấp xác nhận sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn cho 02 cơ sở.

⁷ 47 mẫu chè; 14 mẫu rau; 22 mẫu quả; 03 mẫu gạo; 04 mẫu giò lợn; 04 mẫu cá; 03 mẫu thịt lợn; 04 mẫu thịt gà; 02 mẫu trứng gà; 01 mẫu khô gà lá chanh; 01 mẫu tương; 01 mẫu bún; 01 mẫu bánh khau Sli; 02 mẫu mật ong; 01 mẫu thịt hươu sấy; 01 mẫu trà dây thìa canh; 01 mẫu mộc nhĩ khô; 01 mẫu bột dong riềng; 02 mẫu miến; 01 mẫu nem.

5.3. Công tác kiểm định, chứng nhận VietGAP, kiểm nghiệm chất lượng, an toàn thực phẩm

- Thực hiện kiểm định chất lượng cây giống chè lần 2 và cấp giấy chứng nhận lô cây giống chè đủ điều kiện xuất vườn (theo tiêu chuẩn TCVN 10684-6:2018) cho 13 cơ sở sản xuất với tổng số cây đủ điều kiện xuất vườn là 1.976 vạn cây.

- Chứng nhận VietGAP: Chứng nhận VietGAP trồng trọt đối với: 898 ha chè, đạt 102,3% KH (cấp mới 700 ha/680 ha, đạt 1102,9% KH; cấp lại 198 ha/198 ha, đạt 100% KH); 50 ha/50 ha cây ăn quả, đạt 100% KH. Hỗ trợ, chứng nhận VietGAHP chăn nuôi với 49/34 cơ sở, đạt 144,1% KH (28 cơ sở chăn nuôi gà và 21 cơ sở chăn nuôi lợn);

- Duy trì hệ thống phòng thử nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025: 2017 và các quy định tại Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013. Đến thời điểm báo cáo, Trung tâm thuộc Chi cục Quản lý chất lượng đã phân tích được 549 mẫu (90 mẫu phục vụ quản lý nhà nước, 90 mẫu dịch vụ và 369 mẫu chứng nhận VietGAP).

5.4. Hỗ trợ liên kết, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm nông sản

- Nhằm quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp an toàn, sản phẩm chủ lực, đặc sản của địa phương và nâng cao công tác quản lý an toàn thực phẩm trong tình hình mới, Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản đã có văn bản gửi các tỉnh: Ninh Bình, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Bắc Giang và thành phố Hải Phòng cung cấp thông tin một số cơ sở được xác nhận theo chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; sản phẩm nông sản được chứng nhận OCOP trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên để phối hợp giới thiệu, thông tin hai chiều, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã của các tỉnh/thành phố biết, trao đổi, xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm nông sản an toàn. Tổ chức 01 đoàn công tác (gồm cán bộ quản lý và doanh nghiệp, hợp tác xã) đi tìm hiểu thị trường tiêu thụ tại thành phố Hải Phòng theo Chương trình phối hợp đã ký kết giữa hai Chi cục. Kết quả đã kết nối được 01 Hợp tác xã (HTX chè Thịnh An) bán sản phẩm chè tại hệ thống bán lẻ Co.opmart Hải Phòng.

- Phối hợp với phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thành phố thông tin cho các doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông sản tham gia các hoạt động giới thiệu, quảng bá tại một số nước: Thái Lan, Séc, Brunei, Thổ Nhĩ Kỳ; các hội chợ thương mại trong nước.

- Định kỳ hàng tháng tổng hợp báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông kết quả triển khai hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, cung cấp danh sách các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đưa sản phẩm tiêu thụ trên sàn thương mại điện tử để hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông sản.

5.5. Truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản

- Hỗ trợ 570.000 tem truy xuất nguồn gốc sử dụng mã QR code cho 22 cơ sở xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, sản phẩm đạt chứng nhận OCOP, đạt 100% KH.

- Thực hiện chỉ đạo của Cục BVTV, Sở Nông nghiệp và PTNT về truy xuất nguồn gốc thực phẩm bị EU cảnh báo đối với 02 cơ sở gồm: Công ty Cổ phần chè Tân Cương Hoàng Bình (xã Quyết Thắng, TP Thái Nguyên) và Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Vĩnh Hảo (xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ), Chi cục đã thành lập Tổ công tác giám sát việc truy xuất nguồn gốc bị EU cảnh báo theo quy định; xử phạt vi phạm hành chính 01 cơ sở (Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Vĩnh Hảo) với số tiền 12 triệu đồng.

6. Công tác khuyến nông, thực hiện các chương trình, mô hình, dự án khuyến nông, mô hình chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật

6.1. Công tác tư vấn, dịch vụ khuyến nông

Trong năm 2023, tổ tư vấn đã tư vấn cho hơn 1200 lượt khách hàng về các vấn đề liên quan đến trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng..., ngoài ra trả lời tư vấn nhanh cho nhiều khách hàng về loại phân bón, thuốc BVTV, hạt giống rau và cũng nhận được phản hồi tích cực từ phía khách hàng.

6.2. Thực hiện các chương trình, mô hình, dự án khuyến nông:

- Trong năm 2023, đơn vị xây dựng triển khai được 17 chương trình, mô hình, dự án về chăn nuôi, trồng trọt (*Chi tiết tại Phụ biểu 04 kèm theo*).

- Phối hợp thực hiện các dự án từ nguồn kinh phí của các tổ chức phi chính phủ: Phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và Tổ chức FAO triển khai mô hình an toàn sinh học trong chăn nuôi lợn tại 4 hộ (02 hộ Phường Lương Sơn, thành phố Sông Công; 01 hộ Thị Trấn Đu, huyện Phú Lương; 01 hộ xã Linh Sơn, Thành phố Thái Nguyên). Phối hợp với tổ chức phát triển Hà Lan SNV trong giám sát và nghiệm thu các công trình Khí sinh học theo Quyết định 2147/QĐ-UBND, ngày 7/9/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt dự án Khí sinh học cho ngành chăn nuôi phát thải thấp.

7. Công tác cung ứng giống, vật tư nông nghiệp

7.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất

Trong năm 2023, đã cung ứng giống các loại được 100.795/100.000 kg đạt 100,8% KH; cây ăn quả 10.000/10.000 cây, đạt 100% KH; cây lâm nghiệp 20.000/20.000 cây, đạt 100% KH; hoa và cây công trình 8.050/8.000 cây, đạt 100,6% KH.

- Thực hiện duy trì lưu giữ đàn giống gốc (cụ kỵ, ông bà), nuôi giữ đàn lợn đực giống sản xuất tinh lợn 50/50 con, đạt 100% KH, nuôi giữ đàn lợn nái sinh sản 250/250 con, đạt 100% KH. Sản xuất con lợn giống 6.683/5.250 con đạt 127,3% KH (sản xuất con giống bố mẹ hậu bị 1.500/1.500 con đạt 100% KH; sản xuất tinh lợn đạt 136.500/150.000 liều đạt 91% KH).

- Sản xuất giống gia cầm, thủy cầm: Tổng đàn gà sinh sản 5.000/5.000 con, sản xuất ra 526.304/518.400 con gà giống, đạt 101,52% KH; tổng đàn vịt sinh sản 1.000/1.000 con sản xuất 86.651/80.416 con vịt giống, đạt 107,8% KH.

- Sản xuất giống thủy sản: Sản xuất cá bột đạt 32.000/32.000 vạn; cá hương đạt 650/650 vạn; cá giống 900/900 vạn đạt 100% KH.

7.2. Kết quả thực hiện mô hình chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật về giống

Các mô hình đã được triển khai kịp thời vụ, lựa chọn địa điểm, chọn hộ thực hiện mô hình đảm bảo các tiêu chí về giao thông thủy lợi và điều kiện tham gia đóng góp vốn đối ứng của người dân. Đơn vị đã chỉ đạo theo quy trình kỹ thuật, thực hiện cấp giống, vật tư hỗ trợ đủ số lượng, đúng tiến độ, kế hoạch đề ra. Đã triển khai thực hiện được 09 mô hình trong đó có 06 mô hình trồng trọt và 03 mô hình chăn nuôi (*Chi tiết tại Phụ biểu 05*)

7.3. Công tác cung ứng Vật tư nông nghiệp

Cung ứng đầy đủ vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp, chất lượng vật tư hàng hóa đảm bảo chất lượng, đủ số lượng, chủng loại đáp ứng nhu cầu. Cung ứng 60.400 tấn (gồm 270 tấn thóc giống, 130 tấn ngô giống, phân bón 60.000 tấn); doanh thu thuốc BVTV 45,5 tỷ đồng, thuốc thú y 1,2 tỷ đồng; tổng lượng phân bón dự trữ 1.097 tấn các loại.

Tổng doanh thu năm 2023 ước đạt: 750 tỷ đồng/700 tỷ đồng, đạt 110% KH năm 2023; bằng 101,35% so với năm 2022. Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước ước đạt: 2.750 triệu đồng/1.500 triệu đồng đạt 183,32% KH năm 2023, bằng 110% năm 2022. Lợi nhuận trước thuế ước đạt 2.550 triệu đồng/1.500 triệu đồng đạt 170% KH năm 2023, bằng 102% so với năm 2022. Thu nhập bình quân ước đạt: 8,5 triệu đồng/người/tháng, đạt 113,33% KH năm 2023, bằng 100% so với năm 2022.

8. Công tác thanh tra, kiểm tra:

Các đơn vị trong Khối đã thực hiện 22 cuộc thanh, kiểm tra chuyên ngành, liên ngành đối với 1.116 cơ sở, tổ chức, cá nhân; xử phạt vi phạm hành chính 07 trường hợp, nộp ngân sách nhà nước 33.500.000 đồng (*chi tiết tại Phụ biểu 03*).

9. Công tác giải quyết thủ tục hành chính:

Đã tiếp nhận, giải quyết 23.473 hồ sơ, trong đó: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản 23.134 hồ sơ, Chi cục Trồng trọt và BVTV 298 hồ sơ, Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản Thủy sản 41/41. Các hồ sơ đều được giải quyết đúng thời hạn quy định⁸.

⁸ - Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản đã cấp: Chứng chỉ hành nghề thú y 109 giấy; Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y 69 giấy; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi 01 giấy; Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn 01 giấy; Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn 01 giấy; Giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y 06 giấy; Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản 01 giấy; Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật 22.951 giấy.

- Chi cục Trồng trọt và BVTV giải quyết 284 hồ sơ đạt yêu cầu và đã cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện. Hồ sơ không đủ điều kiện 03; hồ sơ đang giải quyết 15 hồ sơ.

- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản Thủy sản giải quyết 41/41 hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

10. Công tác chuyển đổi số:

Thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số đối với từng lĩnh vực của các đơn vị trong khối. Các đơn vị đã thực hiện tốt công tác cải cách hành chính và chuyển đổi số trong hoạt động của đơn vị như cập nhật phần mềm, ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành thông qua các thiết bị thông minh; sử dụng chữ ký số trong gửi, nhận văn bản điện tử, văn bản đã được thực hiện trên môi trường mạng; thực hiện công tác quản lý văn bản điện tử qua phần mềm liên thông theo đúng quy định.

- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản đã hoàn thiện việc xây dựng Hệ thống phần mềm Quản lý chất lượng nông sản - Thái Nguyên (<https://qlclnongsan.thainguyen.gov.vn/>) đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng. Đến nay ứng dụng dành cho điện thoại di động đã có trên 400 lượt tải và cài đặt; số tài khoản đã đăng ký sử dụng là 346 tài khoản. Tổng số danh sách cơ sở được cập nhật, theo dõi, quản lý: 7.037 cơ sở (loại hình Công ty/doanh nghiệp: 63; Hợp tác xã: 372; Hộ kinh doanh cá thể: 6.601; loại hình khác: 01); 152 vùng sản xuất tập trung với diện tích 1.111,76 ha; tạo lập 51 sổ nhật ký theo dõi hoạt động sản xuất; cập nhật thông tin 55 sản phẩm. Hiện nay Chi cục đang thực hiện thí điểm ứng dụng Hệ thống phần mềm trên địa bàn xã Tân Cương; đồng thời tiếp tục hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản cài đặt, sử dụng, thường xuyên cập nhật dữ liệu lên Hệ thống phần mềm. Thực hiện kết nối dữ liệu của Hệ thống phần mềm với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Thái Nguyên (<https://lgsp.thainguyen.gov.vn/>).

- Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản: Duy trì và phát triển phần mềm hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý chăn nuôi trên địa bàn tỉnh. Hiện đã có gần 100 nghìn cơ sở chăn nuôi được tạo cơ sở dữ liệu trên hệ thống, giúp người chăn nuôi quảng bá giới thiệu về cơ sở chăn nuôi, quan sát, nắm bắt kịp thời tình hình chăn nuôi trên địa bàn và thị trường; giúp doanh nghiệp thu mua vật nuôi có thêm kênh thông tin để trực tiếp liên hệ cơ sở chăn nuôi; tạo điều kiện thuận lợi cho công tác truy xuất nguồn gốc thực phẩm. Thực hiện cơ sở dữ liệu cấp giấy Kiểm dịch, thanh toán trực tuyến, biên lai điện tử trên thiết bị di động lĩnh vực Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản nằm trong cơ sở dữ liệu ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thái Nguyên và được tích hợp liên thông chia sẻ với các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Thái Nguyên theo Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 8/4/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về Ban hành danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Thái Nguyên và các Cơ sở dữ liệu khác của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đang thực hiện và sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về lĩnh vực bảo vệ thực vật, mã số vùng trồng, và cơ sở dữ liệu ngành trồng trọt. Các hệ thống phần mềm do Cục BVTV, Cục Trồng trọt đã triển khai, sử dụng và đề xuất nâng cấp phần mềm cho phù hợp.

- Trung tâm Khuyến nông: Thiết lập kênh livestream trực tuyến để tuyên truyền, phổ biến, giải đáp thắc mắc, tư vấn hướng dẫn về quy trình kỹ thuật, cơ chế chính sách trong lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT; nâng cấp trang thông tin điện tử của Trung tâm Khuyến nông, đáp ứng trong việc tuyên truyền, nâng cao hiệu quả của chuyển đổi số trong lĩnh vực Khuyến nông.

11. Công tác xây dựng Nông thôn mới

Các đơn vị trong khối đã phối hợp, hỗ trợ các địa phương tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao/huyện nông thôn mới theo phân công, cụ thể: Hướng dẫn các xã thành lập 113 tổ khuyến nông cộng đồng tại các xã (chỉ tiêu 13.5); xây dựng mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững (chỉ tiêu 13.2); xây dựng mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm (chỉ tiêu 13.3); Xây dựng vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng trồng (chỉ tiêu 13.6); thu gom chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường (chỉ tiêu 17.7); hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi thực hiện đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường (chỉ tiêu 17.7; 17.9); triển khai tổ chức cho các hộ gia đình và các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm (chỉ tiêu 17.10; 18.4; 18.5; 18.6). Đến thời điểm báo cáo đã thẩm định xong 08/12 xã nông thôn mới; 06/12 xã nông thôn mới nâng cao; huyện Đại Từ đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2023.

III. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được:

Trong năm 2023, việc triển khai kế hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh gặp không ít khó khăn, như: Một số dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm (*bệnh Viêm da nổi cục trên đàn trâu, bò, Dịch tả lợn Châu phi, Cúm gia cầm, LMLM...*) vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ tái bùng phát; giá các loại vật tư phục vụ cho sản xuất còn cao ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản giá vật tư cho sản xuất nông nghiệp, thủy sản biến động; song được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Bộ Nông nghiệp và PTNT, các cơ quan trực thuộc Bộ; Ủy ban nhân dân tỉnh, đặc biệt là sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của các đồng chí lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT và sự phối hợp của các Sở, ban ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố; tập thể lãnh đạo và công chức, viên chức, người lao động trong Khối Nông nghiệp và Thủy sản đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ chính trị được giao; các chỉ tiêu đều đạt và vượt so với kế hoạch. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng tích cực, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế cao gắn với lợi thế của các địa phương; mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP gắn với đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm.

2. Khó khăn tồn tại

- Giá vật tư giống, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, công lao động tăng cao, gây khó khăn cho người nông dân trong việc đầu tư cho sản xuất;

- Tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp, xuất hiện nhiều bệnh truyền nhiễm nguy hiểm cùng lúc (Dịch tả lợn Châu Phi, Viêm da nổi cục trâu bò...). Bên cạnh đó yếu tố bất lợi về thời tiết cũng làm ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng, sản lượng cây trồng, vật nuôi;

- Sản xuất an toàn được cấp chứng nhận VietGAP, hữu cơ tuy đã được quan tâm thực hiện, song diện tích, quy mô được chứng nhận chưa được nhiều nhất là chứng nhận sản phẩm hữu cơ;

- Tỷ trọng sản lượng nông lâm thủy sản được kiểm soát theo chuỗi cho tất cả sản phẩm vẫn còn thấp; sự liên kết giữa các cơ sở sản xuất, thu mua, sơ chế, giết mổ, chế biến, kinh doanh hiện nay còn hạn chế, chưa ký kết được các hợp đồng ổn định lâu dài. Chưa thu hút được nhiều các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là các doanh nghiệp lớn liên kết với các hợp tác xã, các hộ nông dân để phát triển mở rộng các vùng sản xuất, chế biến sâu các sản phẩm nông sản;

- Một số chính sách đối với chăn nuôi hiện nay như: Chính sách về đất đai, quy định về việc cấm chăn nuôi trong nội thành, nội thị, khu dân cư; chính sách về giết mổ, môi trường chăn nuôi, hệ thống tổ chức ngành thú y... đang còn bất cập, khó khăn đã tác động đến việc đầu tư ứng dụng KH-CN để phát triển chăn nuôi lợn trên địa bàn; Vấn đề xử lý ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi, đặc biệt trong chăn nuôi lợn đang gặp nhiều khó khăn; việc ứng dụng các công nghệ vào xử lý môi trường trong chăn nuôi lợn hiệu quả chưa cao, chi phí quá lớn, không khả thi vận hành thực hiện.

- Công tác chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp còn nhiều hạn chế do năng lực, trình độ, nhận thức và kỹ năng sử dụng thiết bị điện tử thông minh của các hợp tác xã, doanh nghiệp, người dân. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung cho ngành nông nghiệp còn gặp khó khăn do số liệu không tập trung, chưa được xử lý thống nhất. Hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số chưa được đầu tư đồng bộ, nhất là là các địa phương vùng sâu, vùng xa;

- Đối với các đơn vị cung ứng vật tư nông nghiệp giá cả thị trường biến động thường xuyên, thị trường bị thu hẹp do có nhiều đơn vị cạnh tranh, nguồn vốn lưu động để quay vòng trong sản xuất, tái đầu tư kinh doanh còn thiếu gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của doanh nghiệp.

B. KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM 2024

I. Nhiệm vụ

1. Tích cực, chủ động đề xuất, tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT UBND tỉnh trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo đối với sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn, tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW

ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 21/10/2019 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2030 và các chương trình, đề án như: Đề án “Phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”; Đề án xây dựng nông thôn mới;...

2. Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển nông thôn, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất an toàn, hữu cơ, phù hợp với nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực và sản phẩm OCOP của tỉnh gắn với ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số; gắn kết nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; sản xuất với bảo quản, chế biến, xây dựng thương hiệu, tiêu thụ, nâng cao giá trị nông sản trong các chuỗi giá trị.

3. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực, trách nhiệm công tác của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tham gia đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn.

II. Một số chỉ tiêu chủ yếu

1. Tốc độ tăng giá trị sản xuất trồng trọt: 1%. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt 130 triệu đồng/ha.

2. Nông nghiệp: Tổng sản lượng lương thực 434.840 tấn, trong đó thóc 363.620 tấn, ngô 70.970 tấn; sản lượng chè búp tươi 256.000 tấn; sản lượng rau đậu các loại 281.000 tấn.

3. Giá trị sản xuất chăn nuôi: 7.488 tỷ đồng. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng: 222.850 tấn (thịt lợn 100.550 tấn; thịt gia cầm 109.500 tấn; thịt bò 7.000 tấn; thịt trâu 5.800 tấn); sản lượng trứng gia cầm 465 triệu quả; sản lượng thủy sản 19.000 tấn.

4. Hỗ trợ chứng nhận VietGAP: 500 ha chè cấp mới, 150 ha chè cấp lại; 145 ha cây ăn quả; 10 trại lợn; 20 trại gà. Kiểm định chất lượng giống chè đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn phục vụ cho nhu cầu sản xuất. Tiếp tục nâng cao hiệu quả năng lực phòng kiểm nghiệm của Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật và Huấn luyện nghiệp vụ chất lượng nông lâm thủy sản để thực hiện tốt công tác kiểm nghiệm mẫu phục vụ quản lý nhà nước và dịch vụ.

5. Thực hiện thống kê, thẩm định xếp loại, ký cam kết với 100% các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo phân công, phân cấp quản lý. Thực hiện lấy 300 mẫu giám sát an toàn thực phẩm tại vùng sản xuất tập trung, các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, các chợ, các cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản..

III. Một số giải pháp chủ yếu

1. Lĩnh vực Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản

- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh, vận chuyển động vật, chủ động phát hiện sớm dịch bệnh, xử lý kịp thời, hiệu quả, khi dịch mới ở diện hẹp, kiên quyết không để dịch bệnh lây lan ra diện rộng. Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc gia cầm, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát các trang trại chủ động vắc xin tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm theo quy định.

- Tiếp tục hướng dẫn xây dựng mới, nâng cấp một số cơ sở giết mổ động vật tập trung theo đúng quy định; phối hợp kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn địa phương thực hiện mô hình Chợ, siêu thị, các bếp ăn tập thể sử dụng sản phẩm động vật có nguồn gốc rõ ràng, được kiểm soát giết mổ.

- Rà soát các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản theo hướng hàng hóa; khuyến khích tận dụng mặt nước hồ chứa vào nuôi thủy sản; chính sách cho thuê, khoán mặt nước lâu dài đối với các hồ chứa nhỏ hoặc các diện tích mặt nước khác để phát triển nuôi trồng thủy sản. Hỗ trợ đào tạo nghề, xây dựng cơ sở hạ tầng khu nuôi thủy sản tập trung...

- Quản lý tốt chất lượng và an toàn vật tư các sản phẩm chăn nuôi, thủy sản nhất là chất lượng con giống, thức ăn chăn nuôi, các chế phẩm sinh học dùng trong chăn nuôi, thủy sản; công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản, đặc biệt là việc lạm dụng chất cấm và kháng sinh trong chăn nuôi và thủy sản. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của Luật Chăn nuôi, Luật Thú y, Luật Thủy sản của các tổ chức, cá nhân; xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm theo quy định.

2. Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

Tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường phổ biến, chuyển giao các giống cây trồng mới có chất lượng và giá trị cao vào sản xuất. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi đối với các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP của tỉnh, các sản phẩm đặc trưng, thế mạnh của địa phương. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, an toàn, hữu cơ. Đẩy mạnh công tác quản lý vùng trồng hướng tới xuất khẩu và mở rộng thị trường nông sản; nâng cao năng lực giám sát và dự báo, phòng trừ hiệu quả sinh vật gây hại cây trồng, chủ động phòng ngừa đối với loại sâu bệnh mới. Kiểm soát chặt chẽ sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật... cụ thể như:

- *Sản xuất chè*: Nâng cao chất lượng các vùng sản xuất chè tập trung theo hướng tăng nhanh diện tích chè an toàn (VietGAP), hữu cơ, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất, chế biến; đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao sức cạnh

tranh thương hiệu Chè Thái Nguyên trên thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu các sản phẩm chè chất lượng cao.

- *Sản xuất lúa*: Sử dụng giống năng suất, chất lượng cao để nâng cao giá trị sản xuất; chuyển đổi cơ cấu cây trồng có hiệu quả kinh tế trên đất lúa; khuyến khích các doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất lúa an toàn, hữu cơ, chất lượng cao gắn liên kết tiêu thụ sản phẩm

- *Sản xuất rau màu*: Xây dựng vùng sản xuất rau chuyên canh sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ. Thực hiện tích tụ đất đai, hình thành vùng sản xuất tập trung; đầu tư hạ tầng để sản xuất theo công nghệ cao, an toàn, hữu cơ.

- *Cây ăn quả*: Phát triển tập trung vào những loại cây ăn quả có thể mạnh, đặc sản, chủ lực của tỉnh (*na, nhãn, bưởi*); sử dụng giống mới có năng suất, chất lượng cao phù hợp với điều kiện của tỉnh; mở rộng diện tích, hình thành các vùng sản xuất tập trung, thâm canh theo tiêu chuẩn an toàn, GAP, hữu cơ; canh tác rải vụ.

3. Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản

- Tham mưu, thực hiện, theo dõi, đôn đốc các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Chính phủ về tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới; Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 14/02/2023 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 89-KH/TU ngày 28/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới; Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 26/5/2020; Quyết định số 45/2021/UBND ngày 06/10/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên; Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Đề án “Đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021- 2030”;

- Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá, kết nối, xúc tiến thương mại; chương trình phối hợp về công tác ATTP đã ký với các tỉnh/thành phố; phối hợp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) gắn với xây dựng phát triển thương hiệu đối với sản phẩm chủ lực của tỉnh, xây dựng chuỗi giá trị, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm và thu hút đầu tư. Tiếp tục phối hợp với các huyện, thành phố, thị xã tổng hợp, lựa chọn, cung cấp thông tin, danh sách các hộ sản xuất nông nghiệp để hỗ trợ, hướng dẫn các hộ sản xuất nông nghiệp đưa sản phẩm nông sản giao dịch trên các sàn thương mại điện tử

4. Công tác ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KHKT, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số lĩnh vực nông nghiệp

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm nhằm tăng nhanh năng suất, chất lượng, giá trị góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường. Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp an toàn, GAP, hữu cơ, tuần hoàn, ứng dụng công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh cơ khí hoá, tự động hoá trong sản xuất, chế biến.

Chuyển đổi số lĩnh vực nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh; quản trị và quản lý nông nghiệp dựa trên công nghệ số, ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh, quản lý giám sát, truy xuất nguồn gốc nông sản, chuỗi cung ứng sản phẩm; phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp, tập trung vào các sản phẩm chủ lực của tỉnh sản phẩm OCOP.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của Khối Nông nghiệp và Thủy sản./.

KHỐI NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Phụ biểu 01. Kết quả phát triển sản xuất chăn nuôi năm 2023
(Kèm theo Báo cáo tổng kết năm 2023 Khối Nông nghiệp và Thủy sản)

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2023	TH năm 2023	Tỷ lệ %
I	Giá trị sản xuất chăn nuôi (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	7,178	7,178	100,0
II	Tổng đàn gia súc, gia cầm				
1	Đàn trâu, bò	Con	95.000	95.000	100,0
	Đàn bò	Con	51.000	51.000	100,0
2	Đàn lợn	Con	600.000	600.000	100,0
	Trong đó: - Lợn nái:	Con	89.000	89.000	100,0
	<i>Tỷ lệ Nái nội</i>	%	30	30	100,0
	<i>Tỷ lệ Nái ngoại, lai</i>	%	70	70	100,0
	- Lợn thịt:	Con	510.000	510.000	100,0
	- Lợn đực giống	Con	1.000	1.000	100,0
	<i>Tỷ lệ đàn lợn ngoại, lai</i>	%	76	76	100,0
3	Đàn Dê	Con	19.100	20.000	104,7
4	Đàn ngựa	Con	1.100	1.100	100,0
5	Đàn chó	Con	260.000	260.000	100,0
6	Đàn gia cầm	1.000con	15.800	16.115	102,0
	Đàn gà	1.000con	14.900	14.950	100,3
	Tỷ lệ đàn gà lông màu chất lượng cao	%	87	87	100,0
III	Sản lượng chăn nuôi				
1	Thịt hơi các loại	Tấn	220.000	221.760	100,8
	<i>Thịt lợn</i>	<i>Tấn</i>	<i>98.500</i>	<i>99.610</i>	<i>101,1</i>
	<i>Thịt gia cầm</i>	<i>Tấn</i>	<i>108.000</i>	<i>109.300</i>	<i>101,2</i>
	- Thịt gà	Tấn	98.000	98.000	100,0
	<i>Thịt trâu</i>	<i>Tấn</i>	<i>5.800</i>	<i>5.800</i>	<i>100,0</i>
	<i>Thịt bò</i>	<i>Tấn</i>	<i>6.800</i>	<i>6.900</i>	<i>101,5</i>
2	Trứng	1.000 quả	465.000	465.000	100,0
IV	SẢN XUẤT THỦY SẢN				
	GTSX thủy sản (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	579	589	101,7
	- Nuôi trồng	Tỷ đồng	567,0	577,07	101,8
	- Khai thác	Tỷ đồng	12,0	12,0	100,0

1	Tổng diện tích	ha	6.070	6.070	100,0
	- Diện tích nuôi thâm canh, bán thâm canh	ha	1.900	1.900	100,0
	- Diện tích nuôi cá lồng	m3	35.000	35.000	100,0
2	Sản lượng thủy sản	Tấn	18.000	18.478	102,7
V	TIÊM PHÒNG VẮC XIN (tính đến tháng 11/2023)				
1	Lở mồm long móng trâu, bò, dê	Liều	70.000	53.819	76,9
2	Lở mồm long móng lợn	Liều	110.000	110.000	100,0
3	Viêm da nổi cục trâu, bò	Liều	60.000	41.745	69,6
4	Tụ huyết trùng trâu bò	Liều	60.000	52.702	87,8
5	Dịch tả lợn	Liều	270.000	265.240	98,2
6	Tụ Dấu lợn	Liều	200.000	195.370	97,7
7	Tai xanh ở lợn	Liều	30.000	30.000	100,0
8	Lép tô	Liều	8.000	8.000	100,0
9	Cúm gia cầm	Liều	3.000.000	3.000.000	100,0
10	Dại chó	Liều	155.000	133.346	86,0

Phụ biểu 02: Công tác thông tin tuyên truyền, tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật

(Kèm theo Báo cáo tổng kết năm 2023 Khối Nông nghiệp và Thủy sản)

STT	Đơn vị	Tờ rơi, băng rôn, tờ gấp tuyên truyền	Phóng sự	Tin bài, vi deo tuyên truyền	Hội nghị, tập huấn chuyên môn, triển khai mô hình	Mô hình
1	Chi cục Quản lý CLNLS&TS	27 băng rôn tuyên truyền trong Tháng hành động vì an toàn thực phẩm		17 tin bài trên Báo, Đài PTTH, TT TTĐT; 33 tin bài trên Trang thông tin điện tử của Chi cục	108 lớp cho 5.300 lượt người tham gia	
2	Trung tâm Khuyến Nông	6.000 tờ gấp hướng dẫn kỹ thuật vỗ béo bò trước khi giết thịt; 5.520 cuốn Bản tin khuyến nông		20 bài, 160 tin, 196 ảnh minh họa, 08 video hướng dẫn kỹ thuật	9 lớp đào tạo tập huấn kỹ thuật với 310 học viên được đào tạo trực tiếp; 01 chương trình tọa đàm trực tuyến; 01 hội thảo đánh giá kết quả thực hiện mô hình; 01 lớp tham quan học tập	17 chương trình, mô hình, dự án về chăn nuôi, trồng trọt
3	Chi cục CNTY và Thủy sản	27.400 tờ rơi hướng dẫn phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm, thủy sản; quản lý giết mổ, phòng chống bệnh dại,.. 900 quyển hướng dẫn kỹ thuật phòng chống bệnh gia súc; 05 băng rôn	4 phóng sự tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh động vật, giết mổ động vật	25 tin bài, cập nhật 4 Quyết định và các tài liệu liên quan khác triển khai Nghị quyết 12/2020/NQ/HĐND	75 lớp tập huấn với 12.450 lượt người tham gia với nội dung tập huấn về phòng chống một số bệnh truyền nhiễm trên đàn gia súc, gia cầm; phổ biến Luật Thú y, Luật Chăn nuôi; chuẩn đoán, xét nghiệm và lấy mẫu bệnh phẩm; các quy định của pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản	
4	Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật		01 phóng sự trên Đài truyền hình VTV2	15 tin bài trên Đài PTTH tỉnh, Báo Thái Nguyên; 08 bài trên C-Thái Nguyên, 10 bài trên trang Website ngành NN&PTNT	87 lớp tập huấn cho 3.565 lượt người tham dự về: phòng trừ dịch hại trên cây trồng; an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất trồng trọt; ủ phân hữu cơ; quản lý mã số vùng trồng	

5	Trung tâm Giống Cây trồng, vật nuôi và Thủy sản				09 lớp tập huấn về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản cho 410 lượt người tham gia; 09 cuộc hội thảo	09 mô hình trong đó 06 mô hình trồng trọt và 03 mô hình chăn nuôi
	Tổng	33.400 tờ rơi, tờ gấp tuyên truyền các loại; 900 quyển sổ tay; 5.520 cuốn Bản tin khuyến nông; 32 băng rôn	05 phóng sự	298 tin bài, 196 ảnh minh họa, 8 video	300 cuộc tập huấn, hội nghị, hội thảo cho trên 22.035 lượt người	26 mô hình, chương trình, dự án

Phụ biểu 03: Công tác thanh tra, kiểm tra*(Kèm theo Báo cáo tổng kết năm 2023 Khối Nông nghiệp và Thủy sản)*

STT	Đơn vị/Nội dung	Số cuộc	Số cơ sở được kiểm tra	Số cơ sở vi phạm	Số cơ sở xử phạt vi phạm hành chính	Số tiền phạt nộp ngân sách nhà nước (đ)
1	Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật	08 cuộc thanh tra kiểm tra	141	02	02 (01 trường hợp buôn bán phân bón không rõ nguồn gốc xuất xứ, 01 trường hợp buôn bán thuốc BVTV có thông tin trên nhãn thuốc không đúng bản chất, không đúng sự thật về loại thuốc đó); - Phối hợp xử lý 01 trường hợp	3.000.000; Đình chỉ quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong thời hạn 02 tháng
2	Chi cục CNTY và Thủy sản	06 cuộc thanh tra kiểm tra	905	05	05	30.500.000
3	Chi cục Quản lý Chất lượng NLSTS	8 cuộc (02 đoàn kiểm tra liên ngành, 06 cuộc thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm)	70	02	Giao cho Ban chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm huyện Phú Bình và huyện Định Hoá xử lý theo quy định	-
	Tổng	22	1.116	09	07	33.500.000 đ

Phụ biểu 04: Các mô hình, dự án Khuyến nông
(Kèm theo Báo cáo tổng kết năm 2023 Khối Nông nghiệp và Thủy sản)

TT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Kết quả
I	Chương trình, mô hình, dự án khuyến nông về lĩnh vực trồng trọt	Mô hình, dự án	17	
1	Mô hình Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất hoa Lily	MH	01	Quy mô 3,5 sào, 03 hộ tại phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; hiện cây hoa sinh trưởng phát triển tốt. Dự kiến cuối tháng 12 sẽ tiến hành tổng kết, đánh giá nghiệm thu mô hình.
2	Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững	DA	03	Dự án “ <i>Hỗ trợ thâm canh chè theo quy trình VietGAP trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên</i> ” diện tích là 35 ha với 249 hộ tham gia tại 02 huyện Định Hóa và Phú Lương; Dự án “ <i>chăn nuôi bò sinh sản trên địa bàn huyện Định Hóa năm 2022-2023</i> ” tại Xã Tân Dương, quy mô 26 hộ tham gia với 26 con bò sinh sản.
3	“ <i>Dự án chăn nuôi bò sinh sản trên địa bàn huyện Định Hóa năm 2023</i> ”	DA	01	Thực hiện tại xã Tân Thịnh, quy mô 29 con bò sinh sản, hỗ trợ cho 29 hộ tham gia.
4	“ <i>Dự án Ứng dụng khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình thâm canh cây Na rải vụ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022-2024</i> ”	DA	01	Quy mô 3 ha tại 2 xã Phú Thượng và xã La Hiên, huyện Võ Nhai.
5	Dự án “ <i>Xây dựng mô hình sản xuất chè xanh phục vụ phát triển sản phẩm OCOP gắn với du lịch sinh thái tại tỉnh Thái Nguyên</i> ”	DA	01	Quy mô 10 ha với 49 hộ tham gia, tại xã Phú Xuyên, huyện Đại Từ.
6	Dự án “ <i>Mô hình chăn nuôi gà thịt lông màu VietGAHP, liên kết hợp tác xã</i> ”	DA	01	Quy mô 9.000 con, 09 hộ triển khai tại xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên.

	<i>theo chuỗi giá trị tại một số tỉnh phía Bắc”</i>			
7	Mô hình an toàn sinh học trong chăn nuôi lợn	MH	01	Thực hiện tại 4 hộ (02 hộ Phường Lương Sơn, thành phố Sông Công; 01 hộ Thị Trấn Đu, huyện Phú Lương; 01 hộ xã Linh Sơn, Thành phố Thái Nguyên).
8	Sản xuất chè hữu cơ theo tiêu chuẩn TCVN 11041-6:2018 năm 2023	MH	01	Quy mô 40 ha
9	Mô hình ứng dụng kỹ thuật trồng Na theo tiêu chuẩn hữu cơ năm thứ 3	MH	01	Quy mô 7 ha
10	Mô hình trồng cây ngô sinh khối kết hợp với vỗ béo bò thịt	MH	01	Quy mô 3 ha ngô sinh khối và 125 con bò vỗ béo
11	Mô hình Ba kích chăm sóc năm 2	MH	01	Quy mô 05 ha
12	Mô hình Ba kích chăm sóc năm 2	MH	01	Quy mô 4,7 ha năm 3
13	Mô hình cây Na ta, Na Đài Loan	MH	01	Quy mô 5 ha
14	Mô hình chăn nuôi lợn thịt gắn với chuyển đổi số và chứng nhận VietGAP	MH	01	Thực hiện tại 03 hộ, quy mô 140 con
15	Mô hình nhân rộng chăn nuôi gà lông màu thả vườn theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	MH	01	Quy mô 4.500 con gà thịt với 3 hộ tham gia

Phụ biểu 05: Các mô hình dự án chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi
(Kèm theo Báo cáo tổng kết năm 2023 Khối Nông nghiệp và Thủy sản)

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Kết quả
1	Mô hình sản xuất thử nghiệm giống lúa thuần mới	MH	01	Thực hiện tại xã Cù Vân huyện Đại Từ quy mô 06 ha thực hiện trong vụ xuân. Giống sản xuất thử nghiệm Giống lúa HG12: giống lúa HG12 sinh trưởng, phát triển tốt, có khả năng chống rét, chống đổ tốt, nhiễm nhẹ với các loại rầy nâu, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn lá, bệnh khô vằn trong điều kiện canh tác thực tế tại địa phương và tương đương với đối chứng Khang dân 18. Giống HG12 cho năng suất đạt 57,6 tạ/ha (208 kg/sào) tương đương với giống đối chứng. Giống lúa HG12 là giống chất lượng, cơm ngon, vị đậm, thơm nhẹ, bán được giá, cho hiệu quả kinh tế 1.014.500 đồng/sào cao hơn giống đối chứng 173.500 đồng/sào.
2	Mô hình sản xuất thử nghiệm giống lúa thuần chất lượng ST25	MH	01	Thực hiện tại xã Sơn Phú, huyện Định Hóa, qui mô 06 ha thực hiện trong vụ xuân. Qua kết quả theo dõi cho thấy: giống lúa ST25 sinh trưởng, phát triển tốt, đẻ nhánh khá, tập trung, tỷ lệ đạt nhánh đạt hữu hiệu cao. Thân cứng, chống đổ tốt, chống rét khá. Có khả năng kháng tốt với bệnh bạc lá. Qua đánh giá năng suất lúa ST25 đạt 50,9 tạ/ha (184 kg/sào) cao hơn so với Khang dân 18, hiệu quả kinh tế đạt 1.256.500 đồng/sào, cao hơn giống lúa đối chứng 465.000 đồng/sào. Đây là giống lúa chất lượng, cơm dẻo, ngon, đậm vị, bán được giá (12.000 đồng/kg), đề xuất tiếp tục được thử nghiệm giống ST25 ở các vụ khác tại các địa phương khác nhau để đánh giá sự phù hợp của giống lúa thuần chất lượng cao ST25 tại tỉnh Thái Nguyên.
3	Mô hình sản xuất thử nghiệm giống lúa lai chất lượng LY2099	MH	01	Thực hiện tại xã Tiên Hội huyện Đại Từ, qui mô 07 ha thực hiện trong vụ xuân. Qua kết quả theo dõi cho thấy: Giống lúa LY2099 sinh trưởng, phát triển tốt, đẻ nhánh khỏe, tập trung, tỷ lệ nhánh đạt hữu hiệu cao. Thân cứng, mập, chống đổ, chống rét tốt. Có khả năng chống chịu khá với rầy nâu, sâu đục thân. Năng suất đạt 69,6 tạ/ha (251 kg/sào) cao hơn giống lúa đối chứng 16 kg/sào (đối chứng chỉ đạt 65,1 tạ/ha, đạt 235 kg/sào bắc bộ); hiệu quả kinh tế đạt 1.423.000 đồng/sào, cao hơn giống lúa đối chứng TH 3-7 là 235.700 đồng/sào. Giống lúa LY2099 là giống chất lượng, cơm ngon, đậm vị, được các hộ dân đánh giá cao, được khuyến cáo nhân ra diện rộng.

4	Mô hình sản xuất thử nghiệm giống dưa hấu lai F1 Long Châu gắn với tiêu thụ sản phẩm	MH	01	Thực hiện tại xã Tân Kim huyện Phú Bình, qui mô thực hiện 04 ha. Qua triển khai mô hình sản xuất thử nghiệm cho thấy cây dưa hấu sinh trưởng và phát triển tốt, giai đoạn kết trái tỷ lệ đậu quả thành phẩm cao, trái đều, vỏ mỏng, dai, quả màu sắc đẹp, ruột chắc, ngọt, ít sâu bệnh được đánh giá khá phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu tại địa phương. Năng suất đạt 1.207,5 kg/sào, hiệu quả kinh tế đạt 4.950.000 đồng/sào cao hơn giống đối chứng (cây lúa, ngô) tại địa phương hiệu quả chỉ đạt 427.500 đồng và 314.000 đồng/sào; mô hình được khuyến cáo nhân ra diện rộng, hiệu quả kinh tế của việc trồng dưa hấu cao hơn nhiều lần so với trồng ngô, lúa.
5	Mô hình trồng thử nghiệm giống hoa Lily mới nhập ngoại chất lượng cao Bacardi	MH	01	Quy mô thực hiện 0,04 ha tại xã Linh Sơn Thành phố Thái Nguyên. Hiện tại cây sinh trưởng và phát triển tốt, mô hình bước đầu được bà con nông dân đánh giá cao hơn hẳn so với các giống hoa ly được trồng tại địa phương, dự kiến sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao.
6	Mô hình trồng thử nghiệm giống ngô ngọt lai chất lượng cao VNS8 gắn với tiêu thụ sản phẩm	MH	01	Qui mô thực hiện 05 ha tại xã Tân Đức huyện Phú Bình. Giống ngô ngọt VNS8 có thời gian sinh trưởng ngắn 65-70 ngày, sinh trưởng, phát triển tốt, tỷ lệ hình thành bắp cao, ít bị bệnh cháy lá. Đơn vị đã thực hiện cấp đủ giống, vật tư theo quy định, hiện tại ngô đang trong giai đoạn trỗ cờ - phun râu, cây sinh trưởng phát triển tốt, các hộ tham gia mô hình đã thực hiện tốt các kỹ thuật chăm sóc, bón phân theo sự chỉ đạo của cán bộ kỹ thuật. Dự kiến mô hình sẽ đem lại hiệu quả kinh tế cao.
7	Mô hình “Nuôi lợn thương phẩm giống mới DNV1 x PS1”	MH	01	Thực hiện tại xã Phấn Mễ, huyện Phú Lương, quy mô 50 con, với 01 hộ tham gia. Sau 4,5 tháng nuôi, tỷ lệ sống đạt 100%, lợn lớn nhanh, không có dịch bệnh, khối lượng xuất chuồng đạt trung bình 115 kg/con, lượng thức ăn tiêu tốn thấp 2,62 kg thức ăn/kg tăng trọng, với 50 con lợn thịt cho 5.750 kg lợn hơi với giá thị trường tại thời điểm xuất bán (62.000 đồng/kg) cho thu nhập 356,5 triệu đồng trừ chi phí lãi 90,5 triệu đồng, mỗi con thu lợi nhuận từ 1,7 - 2,0 triệu đồng/con, hiệu quả kinh tế tăng 11,5%.
8	Mô hình: “Nuôi gà thương phẩm giống mới	MH	01	Thực hiện tại xã Đồng Liên, TP Thái Nguyên, quy mô 3.000 con với 01 hộ tham gia. Qua theo dõi quá trình thực hiện mô hình, kết quả đánh giá gà nuôi có kích cỡ đồng đều, tỷ lệ sống và tốc độ sinh trưởng cao, tiêu tốn thức ăn thấp, khả năng chống chịu dịch bệnh tốt,

	RTL132 (Trống R1 x mái TN3LV2) từ phương pháp thụ tinh nhân tạo”			thích nghi với điều kiện khí hậu Thái Nguyên, chất lượng thịt thơm ngon, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng, trọng lượng gà xuất chuồng đạt 2,56 kg/con, với giá bán (75.000 đồng/kg), hiệu quả kinh tế tăng 11% so với các giống gà khác đang nuôi tại địa phương. Qua kết quả triển khai thực hiện mô hình đã được người dân đánh giá cao, nhận định giống gà mới thích hợp với điều kiện chăn nuôi của địa phương, gà khỏe, ít dịch bệnh, được khuyến cáo nhân ra diện rộng.
9	Mô hình “Nuôi thử nghiệm giống cá rô phi lai xa (Oreochromis) thâm canh trong ao theo hướng VietGap”	MH	01	Thực hiện tại xã Cù Vân, huyện Đại Từ, quy mô 2.000 m ² , với 01 hộ tham gia. Đơn vị đã thực hiện cấp đủ con giống theo quy định, chỉ đạo kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh theo đúng quy trình. Sau 8 tháng thực hiện cho thấy cá trong mô hình sinh trưởng tốt, ăn khỏe, không có dịch bệnh xảy ra, tỉ lệ sống đạt 80%, kích cỡ thu hoạch bình quân 1,4 kg/con, tổng sản lượng đạt khoảng 11.200 kg, dự kiến thu khoảng 358.400.000 đồng, mô hình được người dân địa phương đánh giá cao, có khả năng nhân ra diện rộng.